

Số: 45 /2015/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 03 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Quy định mức thù lao dịch thuật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 130/TTr-STP ngày 25/9/2015 và Công văn số 1545/STP-BTTP ngày 11/11/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định về mức thù lao dịch thuật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức thù lao dịch thuật các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài dịch sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt dịch sang tiếng nước ngoài.

2. Đối tượng áp dụng

Mọi tổ chức, cá nhân có yêu cầu dịch thuật hoặc hiệu đính bản dịch tại các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ dịch thuật, Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, cộng tác viên dịch thuật của các Phòng Tư pháp, các tổ chức hành nghề công chứng.

3. Đơn vị tổ chức thu

Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, các tổ chức hành nghề công chứng và các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ dịch thuật được cấp phép hoạt động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

4. Mức thu thù lao dịch thuật

a) Đồng tiền thu: Việt Nam đồng (VNĐ).

b) Thù lao dịch thuật là giá thanh toán đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

c) Mức thù lao dịch thuật được tính trên cơ sở thứ tiếng cần dịch và mức độ của giấy tờ, văn bản, cụ thể:

STT	Mức thu (đồng/trang A4)				
	Tiếng	Đơn giản	Trung bình	Phức tạp	Đặc biệt phức tạp
A	Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt				
1	Anh	48.000	60.000	108.000	130.000
2	Hoa	48.000	60.000	108.000	130.000
3	Nhật	48.000	60.000	108.000	130.000
4	Pháp	60.000	72.000	120.000	140.000
5	Đức	72.000	96.000	132.000	150.000
6	Khác	60.000	72.000	120.000	140.000
B	Dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài				
1	Anh	60.000	72.000	120.000	140.000
2	Hoa	60.000	72.000	120.000	140.000
3	Nhật	60.000	72.000	120.000	140.000
4	Pháp	72.000	96.000	132.000	150.000
5	Đức	84.000	108.000	144.000	160.000
6	Khác	72.000	96.000	132.000	150.000

- Phân loại mức độ của văn bản, giấy tờ:

+ Đơn giản: Giấy phép lái xe; giấy chứng minh nhân dân; thẻ thường trú, hộ chiếu, visa, thẻ sinh viên, thẻ thư viện, thẻ chích ngừa, phiếu lý lịch tư pháp; giấy khai sinh, giấy chứng tử, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (không phải trong bộ công hàm).

+ Trung bình: Giấy tờ do chế độ cũ cấp gồm: Giấy khai sinh, giấy chứng tử, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, sổ hộ khẩu; giấy chứng sinh, sổ tiêm chủng, giấy ủy quyền, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; bằng tốt nghiệp các loại; sơ yếu lý lịch; giấy khám sức khỏe; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; giấy phép đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận các loại; đơn, thư; giấy phép đầu tư và các loại giấy tờ.

+ Phức tạp: Sổ học bạ; bảng điểm; giấy đăng ký kiểm định; quyết định của Tòa án; bản tuyên thệ; di chúc.

+ Đặc biệt phức tạp: Bộ công hàm; hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự; bản án; các văn bản chuyên ngành y khoa, bệnh án, kỹ thuật, sở hữu trí tuệ.

- Đối với trường hợp người tự dịch đem đến các tổ chức cung cấp dịch vụ dịch thuật hiệu đính bản dịch thì mức thu bằng 50% (năm mươi phần trăm) so với mức thu bản dịch cùng loại; trường hợp sửa cơ bản thì tính thành tiền dịch.

- Đối với giấy tờ, văn bản có nhiều trang, thì từ trang thứ 10 trở đi sẽ tính bằng 60% (sáu mươi phần trăm) mức thu đối với trường hợp đơn giản và trung bình; mức thu đối với trường hợp phức tạp thì tính 70% (bảy mươi phần trăm); mức thu đối với trường hợp đặc biệt phức tạp thì tính 80% (tám mươi phần trăm) theo quy định tại Khoản này.

- Trường hợp các giấy tờ, văn bản có nhiều trang mà nội dung các trang sau lặp lại trang đầu tiên như: Hộ khẩu, học bạ... thì từ trang thứ 2 (hai) trở đi sẽ tính bằng 60% (sáu mươi phần trăm) giá trang đầu tiên, trừ các loại giấy tờ, văn bản có mức độ đặc biệt phức tạp.

- Đơn vị tính thù lao dịch thuật là số trang hoặc tờ, bản của tài liệu, văn bản cần dịch (nội dung trang có thể bao gồm từ ngữ, hình ảnh, ký hiệu). Một trang văn bản cần dịch từ **tiếng nước ngoài sang tiếng Việt** có số từ tối đa là 350 từ, đối với trang văn bản cần dịch từ **tiếng Việt sang tiếng nước ngoài** thì số từ tối đa là 450 từ. Mức thu cụ thể do các bên thỏa thuận tùy theo số từ trong một trang, nhưng không được vượt quá mức thu 200.000 đồng/trang.

d) Mức thù lao phiên dịch: Thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 7 Điều 3 Quyết định số 49/2010/QĐ-UBND ngày 06/8/2010 của UBND tỉnh Quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiêu tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Chế độ thu nộp, quản lý sử dụng thù lao dịch thuật

1. Khi cung cấp dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, tổ chức dịch thuật phải thực hiện lập hóa đơn theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

2. Cơ quan thu thù lao dịch thuật phải mở sổ sách kế toán để theo dõi, hạch toán riêng chi phí, doanh thu các khoản phí dịch vụ theo pháp luật về kế toán thống kê.

3. Khoản thu từ dịch vụ dịch thuật Phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa được quản lý, sử dụng và thanh quyết toán theo quy định tài chính hiện hành. Đối với các tổ chức hành nghề công chứng và các tổ chức cung cấp dịch vụ dịch thuật khác thực hiện hạch toán kinh doanh theo quy định của pháp luật về kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Các khoản thu từ dịch vụ dịch thuật được sử dụng cho việc chi trả tiền lương, tiền công, thù lao cho người làm dịch thuật, chi mua sắm văn phòng phẩm các loại, sửa chữa máy móc, tài sản và các khoản chi phí khác trực tiếp phục vụ cho dịch vụ dịch thuật.

5. Công khai chế độ thu

Cơ quan dịch thuật phải niêm yết công khai tại trụ sở làm việc để các đối tượng **có yêu cầu** dịch thuật dễ nhận biết. Nội dung thông báo gồm: Tên thù lao, mức thu, chứng từ thu, văn bản quy định thu.

Điều 3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ dịch thuật

1. Thực hiện đúng quy định về mức thù lao dịch thuật quy định tại Quyết định này.

2. Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người yêu cầu dịch thuật trong trường hợp do lỗi của cá nhân hoặc người dịch làm việc tại tổ chức mình gây ra.

3. Người dịch chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về tính chính xác của nội dung do mình dịch.

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định. Trong quá trình thực hiện, khi có sự thay đổi của pháp luật về thù lao dịch thuật, Sở Tư pháp phối hợp với Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 67/2011/QĐ-UBND ngày 21/11/2011 của UBND tỉnh về việc Quy định mức thù lao dịch thuật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế Đồng Nai, Chủ tịch UBND và Trưởng phòng Tư pháp các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, các tổ chức hành nghề công chứng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6 (thực hiện);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Bộ Tài chính;
- Cục Hỗ trợ Tư pháp - Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC, KT.

<Mainc T11>

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Trí